

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Tri Phương,  
huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ Quy định một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; Số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3251/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện Tràng Định về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND huyện về việc điều chỉnh và bổ sung kế hoạch vốn ngân sách nhà nước huyện Tràng Định năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ và Dự toán chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Tri

*Phương, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2030;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 927/BC-KT&HT ngày 27/12/2023.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tri Phương, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030 với nội dung cụ thể như sau:

**1. Tên Đồ án:** Quy hoạch chung xây dựng xã Tri Phương, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2030.

**2. Chủ đầu tư:** UBND xã Tri Phương, huyện Trảng Định.

**3. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch:** Công ty Cổ phần Trắc địa và môi trường Hoàng Anh.

### **4. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch**

Xã Tri Phương là một xã vùng cao của huyện Trảng Định, có tổng diện tích tự nhiên là 4.614.34 ha, có giới hạn toạ độ địa lý: 22<sup>0</sup>19'26" vĩ độ bắc, 106<sup>0</sup> 29'16" kinh độ đông.

- Phía Bắc giáp xã Quốc Khánh huyện Trảng Định và xã Đức Xuân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng;

- Phía Nam giáp xã Đại Đồng;

- Phía Đông giáp xã Đội Cán;

- Phía Tây giáp xã Chí Minh và Chi Lăng.

- Quy mô lập quy hoạch: Diện tích lập quy hoạch theo địa giới hành chính với tổng diện tích tự nhiên toàn xã là: 4.614.34 ha.

- Thời gian thực hiện quy hoạch: 2021 – 2030.

### **5. Mục tiêu, nhiệm vụ của quy hoạch**

#### *a) Mục tiêu*

- Quy hoạch chung xây dựng xã Tri Phương làm cơ sở đầu tư xây dựng nông thôn, thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, xã Tri Phương tiếp tục duy trì các tiêu chí nông thôn mới đã đạt, định hướng phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn tới. Góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Bổ sung và xây dựng phương án quy hoạch sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát triển ngành nghề; quy hoạch tổ chức không gian mạng lưới điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã, quy hoạch chỉnh trang khu dân cư hiện có, mặt bằng khu dân cư mới; quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện.

- Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội gắn với quá trình hiện đại hóa nông thôn về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, phát triển dịch vụ, xác định các chỉ tiêu phát triển chung và cụ thể cho từng lĩnh vực của toàn xã, giữ gìn phát

huy bản sắc văn hóa tập quán của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái nhằm đảm bảo tính khả thi và phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, tiến tới thu hẹp khoảng cách với cuộc sống đô thị.

- Đánh giá thực trạng việc sử dụng đất để tạo cơ sở pháp lý lập kế hoạch khai thác và sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, tạo ra không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp với sự phát triển của xã.

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

- Xây dựng Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã, làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư và là cơ sở để các cơ quan, chính quyền địa phương tổ chức quản lý, kiểm soát phát triển theo quy hoạch được duyệt và quy định của pháp luật.

- Bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị truyền thống, làm động lực cho sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

#### *b) Nhiệm vụ*

Quy hoạch chung xây dựng xã Tri Phương, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030 tập trung vào các nhiệm vụ chính:

- Rà soát, cập nhật các dự án, các quy hoạch đang có trên địa bàn xã.

- Phân tích, đánh giá về điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường.

- Đánh giá thực trạng các mặt đạt được và chưa đạt được hiện nay theo Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

- Xác định các tiềm năng và động lực phát triển; dự báo về phát triển kinh tế, quy mô dân số theo từng giai đoạn; xác định chỉ tiêu đất đai, hạ tầng kỹ thuật toàn xã.

- Tổ chức lại khu trung tâm xã và bổ sung thêm các điểm dân cư nông thôn.

- Dự kiến sử dụng đất xây dựng toàn xã theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ dân cư và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất.

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường.

- Dự kiến các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư; sơ bộ nhu cầu về vốn và nguồn lực thực hiện.

#### **6. Quy mô dân số, lao động**

- Dân số hiện trạng năm 2022: 5.417 người.

- Kết quả dân số xã Tri Phương đến năm 2025, năm 2030 dự báo cụ thể như sau:

#### **Bảng 1: Dự báo dân số và số hộ đến năm 2030**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Cơ cấu (%)	Năm 2030	Cơ cấu (%)
	<b>Tỷ lệ phát triển dân số</b>	<b>%</b>	<b>1,70</b>		<b>1,70</b>	
I	Tổng số dân	Người	5.698		6.199	
II	Tổng số hộ	Hộ	1.424		1.550	
III	Tổng số lao động (trong độ tuổi)	Người	2.963	52,00	3.719	70,00
-	Lao động đã qua đào tạo	Người	2.074	70,00	3.162	85,00
-	Lao động chưa qua đào tạo	Người	889	30,00	558	15,00

- **Dân số:** Thời gian tới, tăng cường công tác truyền thông dân số, thực hiện tốt pháp lệnh dân số, mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ 1 - 2 con để nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ. Dự báo đến năm 2030, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên toàn xã duy trì ổn định 1,04%; quy mô dân số là 6.199 người, tương đương 1.550 hộ.

- **Lao động:** Dự báo đến năm 2030, số người trong tuổi lao động chiếm 70% dân số toàn xã, tổng số lao động trên địa bàn xã là 3.719 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%.

## 7. Định hướng phát triển kinh tế

### a) Khu vực kinh tế nông nghiệp

Yếu tố đất cùng với khí hậu, tạo nên môi trường sống của cây trồng. Đất trồng có các đặc tính như: Loại đất, thành phần cơ giới, chế độ nước, độ phì có vai trò quan trọng đối với sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp phải quan tâm đến việc sử dụng đất bền vững để đảm bảo một nền nông nghiệp bền vững. Đất đai đồng ruộng của xã có tiềm năng phát triển đa dạng nhiều loại cây trồng và chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp. Tuy nhiên cùng với sự phát triển, đất nông nghiệp có xu hướng giảm nên việc tăng hiệu quả sử dụng đất trên đơn vị diện tích đất canh tác có vai trò rất quan trọng.

Xã Tri Phương có khí hậu mang vùng nhiệt đới gió mùa: Khô lạnh và ít mưa về mùa đông; nóng ẩm, mưa nhiều về mùa hè. Địa hình phức tạp, trong đó phần lớn diện tích là đồi núi, thuận lợi cho việc phát triển trồng cây ăn quả, cây lâu năm như: bưởi, na mang lại nguồn thu nhập nhân dân trong xã, có khả năng thâm canh cao, tăng hệ số sử dụng đất.

Bên cạnh đó với diện tích đất lâm nghiệp lớn chiếm 79,33% tổng diện tích tự nhiên, xã có tiềm năng phát triển kinh tế lâm nghiệp.

### b) Khu vực kinh tế tiểu thủ công nghiệp - xây dựng - thương mại, dịch vụ

Trên địa bàn xã có đường các tuyến đường Quốc lộ QL.4A, QL3.B chạy qua nối với trung tâm huyện và các xã lân cận, là đầu mối giao thông quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao lưu phát triển kinh tế văn hoá, xã hội với các địa phương trong và ngoài huyện; tuy nhiên, hệ thống đường giao thông nông thôn của

xã chưa được cứng hóa 100% nên thường xuyên được duy tu, nâng cấp, sửa chữa, đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương của nhân dân.

Tích cực thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn xã, ưu tiên những dự án chế biến nông sản thực phẩm và giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương. Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông theo quy hoạch của tỉnh, của huyện để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa. Quan tâm, tạo điều kiện cho các cơ sở, doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới trang thiết bị theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại; đẩy mạnh giới thiệu, quảng bá nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm tiêu biểu, chủ lực của địa phương. Tiếp tục đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi, môi trường kinh doanh thông thoáng để thu hút phát triển các loại hình kinh tế. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, ngăn chặn tình trạng buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Quan tâm khai thác tiềm năng du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng tại địa phương vừa góp phần bảo tồn văn hóa, lịch sử, bảo vệ thiên nhiên vừa tăng thu nhập, mức sống của nhân dân.

## **8. Quy hoạch chung xây dựng xã Tri Phương đến năm 2030**

### **8.1. Động lực phát triển kinh tế**

#### *a) Nông nghiệp*

- Chăn nuôi áp dụng kỹ thuật cao với quy mô nhỏ; phát triển dịch vụ nông nghiệp - chăn nuôi;

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn xã, phát triển nông nghiệp công nghệ cao;

- Ứng dụng các tiến bộ khoa học trong sản xuất nông sản, thực phẩm sạch.

- Nâng cao chất lượng kinh tế lâm nghiệp kết hợp bảo vệ rừng, phát triển rừng.

#### *b) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp*

Mở rộng quy mô sản xuất của cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm một cách bền vững. Đồng thời quy hoạch khu khai thác vật liệu xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp vật liệu xây dựng trong địa bàn xã và các khu vực trên địa bàn huyện. Tiếp tục phát triển thủy điện trên địa bàn xã.

#### *c) Thương mại - dịch vụ*

- Phát triển các thương mại - dịch vụ gắn với phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Phát triển thương mại - dịch vụ gắn với hệ thống các tuyến giao thông chính trên địa bàn xã, phát triển dịch vụ du lịch dựa trên tiềm năng về điều kiện tự nhiên, các công trình di tích lịch sử - văn hóa.

## 8.2. Định hướng phân khu chức năng phát triển

- Khu trung tâm xã: Được bố trí hệ thống giao thông thuận lợi đến tất cả các thôn bao gồm các khối công trình như: Khu trụ sở UBND xã, trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non, bưu điện văn hóa xã.

- Khu dân cư: Chính trang khu dân cư hiện hữu phù hợp với cảnh quan và đặc trưng vùng miền, hình thành khu dân cư mới tập trung.

- Khu vực sản xuất nông nghiệp: Đẩy mạnh việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Duy trì và ổn định diện tích cây lương thực trên địa bàn, đưa các loại giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất để tăng sản lượng; áp dụng các biện pháp thâm canh để tăng năng suất, chất lượng cây ăn quả, đồng thời áp dụng công nghệ mới vào bảo quản, sơ chế nông, lâm sản sau thu hoạch để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm hàng hoá trên thị trường.

- Khu khai thác vật liệu xây dựng: Hình thành khu khai thác theo định hướng phát triển của tỉnh, của huyện và đồng thời đảm bảo các tiêu chí về môi trường.

- Khu sản xuất phi nông nghiệp: hình thành và phát triển tại vị trí quy hoạch xây dựng mới.

- Khu vực thương mại, dịch vụ hình thành và phát triển khu thương mại mới tại vị trí quy hoạch xây dựng mới.

## 8.3. Định hướng phát triển không gian toàn xã

### 8.3.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

#### a) Vị trí, ranh giới, chức năng khu trung tâm xã Tri Phương

Quy hoạch không gian trung tâm xã trên cơ sở lựa chọn các giải pháp phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và hiện trạng của địa phương.

Khu trung tâm xã Tri Phương thuộc thôn Kéo Quân bao gồm: Khu trụ sở cơ quan xã, trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non, bưu điện văn hóa xã, trạm y tế diện tích đất lúa và lúa màu nằm xen kẽ giữa các dân cư các thôn và các tuyến đường giao thông dân sinh hiện có. Hiện tại hệ thống hạ tầng trên địa bàn xã cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng tối thiểu của người dân, đến năm 2030 dân số tăng dẫn đến nhu cầu sử dụng các công trình công cộng tăng lên là vấn đề cần phải giải quyết và đồng thời cũng phải bảo đảm theo tiêu chuẩn nông thôn mới, phát huy các tiêu chí đã đạt được và phấn đấu đạt các tiêu chí còn lại trong bộ tiêu chí nông thôn mới của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành.

Trong tương lai xã Tri Phương cần đảm bảo xây dựng khu trung tâm xã theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng, đồng thời cần tuân thủ đúng theo định hướng phát triển không gian trung tâm xã để đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn cũng như về thiết kế không gian phù hợp với tình hình địa phương để giai đoạn tới xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, với định hướng cụ thể như sau:

- Là trung tâm hành chính, văn hóa với các tiện nghi về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật;

- Phân bố các khu chức năng chặt chẽ, mạng lưới giao thông và phân bố dân cư hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên, sử dụng hợp lý quỹ đất xây dựng tạo nên không gian quy hoạch - kiến trúc, cảnh quan hiện đại, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên và môi trường xã hội;

- Đối với công trình công cộng: Quy hoạch tổng hợp các công trình hành chính, văn hóa, thể thao, giáo dục vào khu vực trung tâm xã tạo nên sự thuận lợi về mặt tổ chức, quản lý hành chính và tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan cho trung tâm xã;

- Cây xanh khuôn viên: Tổ chức trồng các loại cây theo từng bậc từ thấp đến cao tạo sự thông thoáng đối với khu dân cư nông thôn.

*b) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và sử dụng đất*

*\* Trụ sở làm việc (trụ sở UBND xã, hợp tác xã, công an)*

- Phong cách kiến trúc: Phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam, đánh dấu được thời đại xây dựng công trình. Ngôn ngữ kiến trúc và hình thức công trình: đặc sắc, hài hoà giao thông, cảnh quan khu vực trung tâm xã, phát huy các giá trị văn hoá kiến trúc truyền thống.

- Tổ chức không gian sáng tạo, linh hoạt; tận dụng không gian tầng mái, đáp ứng nhu cầu sử dụng trước mắt cũng như khả năng phát triển; xứng đáng là công trình kiến trúc tiêu biểu của xã trong thời kỳ mới hội nhập.

- Tổ chức mặt bằng các tầng và giao thông hợp lý, tiện lợi cho việc sử dụng; phù hợp với yêu cầu kiến trúc công sở nghiêm trang, gần gũi, dễ tiếp cận và ứng xử văn hoá, hài hoà với cảnh quan thiên nhiên.

- Tận dụng tối đa giá trị khu đất, giá trị cảnh quan khu vực để có thể khai thác sử dụng công trình hoạt động ngày đêm theo hướng văn minh không được ảnh hưởng đến chức năng, dây chuyền sử dụng chính của loại hình công trình trụ sở.

- Công năng phù hợp nhu cầu sử dụng, quan hệ giữa các khu với các phòng làm việc hợp lý.

- Hội trường, phòng họp nên có chiều cao hợp lý để tăng tính thẩm mỹ và trang trọng đảm bảo thuận tiện khi sử dụng.

- Trang trí nội thất, ngoại thất đẹp, phù hợp với yêu cầu sử dụng và thể hiện được đặc tính văn hoá của địa phương.

- Khu phụ trợ được thiết kế đáp ứng yêu cầu sử dụng của người làm việc trong toà nhà, đại biểu dự họp, khách mời. Lưu ý đến lối đi và khu vệ sinh của người tàn tật, đặc biệt tại các khu vực đón tiếp khách.

- Sử dụng vật liệu xây dựng tiên tiến phù hợp với yêu cầu sử dụng cũng như chức năng của từng khu vực, phòng ban; đảm bảo tính hiện đại bền vững, thích ứng thời tiết khí hậu, thân thiện với môi trường.

- Các giải pháp kiến trúc, công nghệ kinh tế, phù hợp và khả thi.

*\* Khu văn hóa - thể thao*

Khu văn hóa thể thao bao gồm nhà văn hóa, sân vận động và công viên công cộng, định hướng phát triển khu vui chơi giải trí, nghỉ ngơi thư giãn của người dân toàn xã.

Nhà văn hóa là nơi tổ chức các sự kiện, là nơi giao lưu văn hóa xã hội của người dân địa phương vì vậy khuyến khích quy hoạch không gian mở, bên trong hạn chế sử dụng khối tường chắn chịu lực khi đó sẽ làm giảm không gian sử dụng chung, khuyến khích dùng cột chịu lực. Kiến trúc bên ngoài nên kết hợp với sân đường nội bộ để tạo thành một không gian đồng nhất trong ngoài.

*\* Nhà ở dân cư*

Đối với dân cư hiện trạng giữ nguyên vị trí hiện trạng định hướng quy hoạch chỉnh trang thông qua việc cải tạo nhà ở dân cư, mở rộng giao thông thôn xóm, cải tạo và xây dựng mới rãnh thoát nước, xây dựng hệ thống điện chiếu sáng đi kèm với hệ thống cấp điện sinh hoạt.

Định hướng quy hoạch chia lô theo dạng ô bàn cờ để đảm bảo tiết kiệm diện tích và hệ thống đường giao thông nội bộ dễ dàng đấu nối với hệ thống đường giao thông chung trong khu vực.

Với nhà ở hiện có (trong khu dân cư hiện hữu) khuyến khích xây dựng theo nét kiến trúc nhà truyền thống ưu tiên sử dụng kết cấu khung gỗ như nhà gỗ kết hợp với các vật liệu bổ trợ khác như gạch, đá, ngói.

Với nhà ở chia lô mới khuyến khích xây dựng theo kiến trúc hiện đại là loại hình kiến trúc có các đặc điểm tương đồng về sự đơn giản trong bố cục hình khối không gian, tổ chức mặt bằng tự do phi đối xứng, mặt đứng loại bỏ việc sử dụng các họa tiết trang trí của trường phái cổ điển cũng như việc sử dụng vật liệu mới. Các công trình kiến trúc nhà ở gia đình mang phong cách hiện đại có đặc điểm là có hình khối mạnh mẽ, đường nét kiến trúc mang ý nghĩa tạo ấn tượng về sự khỏe khoắn, hiện đại. Sử dụng phong phú và đa dạng các loại vật liệu áp dụng các công nghệ khoa học kỹ thuật tiên tiến, hiện đại: Các tấm nhôm lớn dùng để ốp mặt ngoài, các loại kính phẳng dày chịu lực, gạch Inax, cửa sổ Windows, các thanh kim loại, các vách cứng, vách nhẹ.

*\* Cây xanh mặt nước*

- Ổn định diện tích cây xanh hiện có ở dọc các tuyến đường trục chính và ở trong khuôn viên trường học, trạm y tế, nhà văn hoá, các thôn, tại các nghĩa trang.

- Giữ nguyên mặt nước hiện trạng, trồng mới cây xanh dọc các tuyến đường mới làm, khuôn viên các cơ quan xây dựng mới.

*8.3.2. Định hướng tổ chức khu dân cư*

a) Quan điểm chọn đất phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn

Khi quy hoạch xây dựng mới và mở rộng điểm dân cư nông thôn ngoài việc tuân thủ các quy định trong QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch nông thôn, còn phải tuân theo các yêu cầu sau:



- Khu đất xây dựng điểm dân cư nông thôn phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn, đảm bảo điều kiện liên hệ thuận tiện trong sinh hoạt và sản xuất của người dân. Khoảng cách từ điểm dân cư đến khu vực canh tác không lớn hơn 2 km.

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa việc xây dựng hiện tại với dự kiến phát triển tương lai.

- Dẫn lấp đầy những vị trí đất kẹt trong các khu dân cư để tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung.

- Đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

- Đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất cho việc xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật.

- Đảm bảo yêu cầu về cấp thoát nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ.

- Đảm bảo các yêu cầu về an ninh, quốc phòng, du lịch, văn hoá, lịch sử, tín ngưỡng.

b) Định hướng tổ chức hệ thống khu dân cư

- Mạng lưới điểm dân cư nông thôn hiện trạng giữ nguyên không di chuyển, các điểm dân cư mới (là quỹ đất dành cho giãn dân thường xuyên, quỹ đất đấu giá tạo nguồn để xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng điện, đường, trường trạm) trên quan điểm vị trí đất dân thôn nào nằm trên địa phận thôn đó tránh gây xáo trộn quỹ đất ở, vị trí lựa chọn đất ở sẽ dẫn lấp đầy những vị trí đất xen kẹt trong các khu dân cư để tạo điều kiện hình thành các khu dân cư tập trung.

- Các điểm quy hoạch đất đấu giá lựa chọn gần các tuyến giao thông chính để nâng cao giá trị của quỹ đất.

c) Quy hoạch tổ chức không gian ở

- Khu vực cải tạo nhà ở cần tôn trọng nét đặc trưng nhà ở truyền thống phải tạo dựng được không gian sống hiện đại, môi trường trong sạch theo các tiêu chí nông thôn mới. Khuyến khích nhân dân xây dựng các công trình trong lô đất ở của gia đình theo kiểu nhà vườn đảm bảo thuận tiện nhất cho sinh hoạt gia đình và sản xuất kinh tế. Các thành phần trong lô đất như nhà chính, nhà bếp, sân, giếng, bể chứa nước, nhà tắm, sân phơi cần bố trí gọn vào một góc, về phía đường đi trong xóm để thuận tiện cho việc đi lại, sinh hoạt đồng thời tạo bộ mặt kiến trúc cho thôn xóm. Chuồng chăn nuôi, nhà vệ sinh cần đặt cuối hướng gió so với nhà ở, nhà bếp bố trí nơi kín đáo.

- Khu xây dựng mới cần khuyến khích xây dựng nhà ở từ 2 đến 3 tầng, có mái dốc, màu sắc hài hoà với cảnh quan nông thôn. Mật độ xây dựng tối đa 40% (phù hợp với tiêu chí hành lang xanh).

8.3.3. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất

- Đẩy mạnh việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Duy trì và ổn định diện tích cây lương thực trên địa bàn, đưa các loại giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt

vào sản xuất để tăng sản lượng; áp dụng các biện pháp thâm canh để tăng năng suất, chất lượng cây ăn quả, đồng thời áp dụng công nghệ mới vào bảo quản, sơ chế nông, lâm sản sau thu hoạch để nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm hàng hoá trên thị trường.

- Chú trọng phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, giữ vững ổn định và phát triển đàn gia súc, gia cầm các loại.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế rừng; chủ động phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trong mùa khô.

Định hướng đến năm 2030 diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn là 4.106,99 ha, chiếm 89,01% tổng diện tích tự nhiên toàn xã.

#### 8.3.4. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ

**Bảng 2: Hệ thống công trình công cộng, dịch vụ**

Số TT	Nội dung	Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2030		
		Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Định hướng quy hoạch	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>CÔNG TRÌNH KHU TRUNG TÂM</b>					
1	Trụ sở UBND xã Tri Phương	thôn Kéo Quân	1.113,39	Quy hoạch vị trí mới	thôn Kéo Quân	3600,00
2	Sân vận động xã Tri Phương			Quy hoạch mới	thôn Cốc Mươi	10800,00
3	Trạm y tế xã cũ	thôn Kéo Quân	456,80	Chuyển mục đích sang đất ở		
	Trạm y tế xã	thôn Kéo Quân	700,17	Chuyển sang vị trí Trụ sở UBND hiện trạng	thôn Kéo Quân	1113,39
4	Bưu điện xã	thôn Kéo Quân	411,54	Giữ nguyên hiện trạng	thôn Kéo Quân	411,54
5	Trường trung học cơ sở Tri Phương	thôn Kéo Quân	4.156,80	Quy hoạch mở rộng	thôn Kéo Quân	8156,80
6	Trường tiểu học Tri Phương	thôn Kéo Quân	4.909,70	Quy hoạch mở rộng	thôn Kéo Quân	6909,70
7	Trường mầm non Tri Phương	thôn Kéo Quân	2.788,00	Quy hoạch mở rộng	thôn Kéo Quân	5588,00
8	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã			Quy hoạch mới	thôn Kéo Quân	1300,00
9	Trụ sở Công an xã			Quy hoạch mới	thôn Kéo Quân	2300,00
<b>II</b>	<b>CÔNG TRÌNH NGOÀI KHU TRUNG TÂM</b>					
1	Nhà văn hoá thôn Phai Sào	thôn Phai Sào	225,64	Quy hoạch mở rộng	thôn Phai Sào	325,64
2	Sân thể thao thôn Phai Sào	thôn Phai Sào	9.152,23	Chuyển mục đích sang đất ở		
3	Nhà văn hóa thôn Mậu Đốt	thôn Mậu Đốt	408,51	Quy hoạch vị trí mới	thôn Mậu Đốt	1500,00

Số TT	Nội dung	Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2030		
		Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Định hướng quy hoạch	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )
4	Trường mầm non Phi Mỹ	Thôn Mậu Đốt	4.200,00	Quy hoạch mở rộng	Thôn Mậu Đốt	5700,00
5	Trường tiểu học Tri Phương điểm trường Nà Pài	thôn Mậu Đốt	3.896,76	Quy hoạch mở rộng	thôn Nà Pài	6196,76
6	Nhà văn hoá thôn Bản Đoòng	thôn Bản Đoòng		Quy hoạch mới	thôn Bản Đoòng	1500,00
	Nhà văn hóa thôn Khòn Tàu cũ		309,19	Giữ nguyên hiện trạng		309,19
7	Nhà văn hóa thôn Cốc Mươi	thôn Cốc Mươi	228,37	Quy hoạch vị trí mới	thôn Cốc Mươi	900,00
	Nhà văn hóa thôn Nà Han cũ	thôn Cốc Mươi	162,02	Giữ nguyên hiện trạng	thôn Cốc Mươi	162,02
8	Nhà văn hóa thôn Kéo Quân	thôn Kéo Quân	1.536,00	Quy hoạch vị trí mới	thôn Kéo Quân	1200,00
9	Sân thể thao thôn Kéo Quân	thôn Kéo Quân		Quy hoạch mới	thôn Kéo Quân	600,00
10	Nhà văn hóa thôn B2	thôn B2	123,75	Quy hoạch vị trí mới	thôn B2	700,00
11	Nhà văn hóa thôn Nà Ván	thôn Nà Ván	227,96	Quy hoạch vị trí mới	thôn Nà Ván	700,00
12	Nhà văn hóa thôn Bản Bó	thôn Bản Bó	1.173,11	Giữ nguyên hiện trạng	thôn Bản Bó	1173,11
13	Điểm trường mầm non thôn Bản Bó	thôn Bản Bó	314,60	Chuyển mục đích sang nhà đất ở		
14	Trường tiểu học thôn Bản Bó	thôn Bản Bó	531,17	Chuyển mục đích sang nhà đất ở		
15	Trường mầm non, tiểu học Tri Phương điểm trường Lũng Slàng	thôn Lũng Slàng	482,61	Quy hoạch mở rộng	thôn Lũng Slàng	1982,61
16	Nhà văn hóa thôn Lũng Slàng	thôn Lũng Slàng	139,08	Quy hoạch vị trí mới	thôn Lũng Slàng	300,00
17	Trung tâm bảo trợ xã hội huyện Trảng Định			Quy hoạch mới	thôn Phai Sào	5000,00
18	Nhà bia và sân nhà bia di tích Pác Lũng Ký Làng			Quy hoạch mới	Thôn Cốc Mươi	661,10

#### 8.4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

##### 8.4.1. Hệ thống giao thông

###### a) Các tiêu chuẩn áp dụng

- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 4054-2005, áp dụng với các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ.

- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 10380:2014 đường giao thông nông thôn, áp dụng với các tuyến nội thôn, liên thôn, trục thôn, nội đồng.

- Đường trục xã, liên xã đạt chuẩn kỹ thuật đường tiêu chuẩn cấp VI, được quy định trong TCVN 10380:2014.

- Đường cấp VI:

+ Tốc độ thiết kế: 30 km/h;

+ Chiều rộng phần xe chạy dành cho xe cơ giới:  $\geq 3,5$  m;

+ Chiều rộng lề và lề gia cố:  $\geq 1,5$  m;

+ Chiều rộng mặt cắt ngang đường:  $\geq 6,5$  m.

- Đường trục thôn, xóm phải đạt đường cấp A hoặc B.

- Đường làng, ngõ xóm phải đạt cấp B hoặc cấp C.

- Đường dân sinh chủ yếu phục vụ sự đi lại của người dân giữa các cụm dân cư, các hộ gia đình và từ nhà đến nương rẫy, ruộng đồng, đạt cấp D.

**Bảng 3: Quy định về chiều rộng tối thiểu của mặt đường, lề đường, chiều rộng nền đường đối với các cấp đường giao thông nông thôn**

Cấp kỹ thuật của đường	Tốc độ thiết kế (km/h)	Chiều rộng nền (m)	Chiều rộng mặt (m)	Chiều rộng lề (m)
A	30 (20)	6,5 (6,0)	3,5	1,50 (1,25)
B	20	5,0 (4,0)	3,5 (3,0)	0,75 (0,5)
C	15	4,0 (3,0)	3,0 (2,0)	
D		2,0	1,5	

b) Quy hoạch phát triển giao thông

Căn cứ Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ Giao thông Vận Tải hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/ xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/ huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 16/02/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn. Theo các Quyết định này trên địa bàn xã Tri Phương thực hiện cải tạo nâng cấp, đầu tư xây dựng các tuyến đường sau:

**\* Giao thông đối ngoại:**

- Đường Quốc lộ QL.38B: Định hướng Quy mô đạt đường cấp IV, 2 làn xe cơ giới. Mặt cắt ngang như sau:

+ Chiều rộng nền đường: 12 m

+ Chiều rộng mặt đường: 9m;

+ Chiều rộng lề, vỉa hè: 1,5 x 2 m;

+ Kết cấu đường: Đường nhựa.

- Đường Quốc lộ QL.4A: Định hướng Quy mô đạt đường cấp IV, 2 làn xe cơ giới. Mặt cắt ngang như sau:

- + Chiều rộng nền đường: 12 m
- + Chiều rộng mặt đường: 9m;
- + Chiều rộng lề, vỉa hè: 1,5 x 2 m;
- + Kết cấu đường: Đường nhựa.

**\* Giao thông đối nội:**

Gồm các tuyến đường trục xã, liên thôn, trục thôn và các tuyến đường thôn xóm thiết kế đảm bảo các tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn theo Quyết định 932/QĐ-BGTVT ngày 18/7/2022 của Bộ giao thông vận tải đến năm 2030 và theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng xã Tri Phương, huyện Tràng Định giai đoạn 2021-2030:

- Trục xã, liên xã (cấp A):

- + Chiều rộng mặt đường tối thiểu: 3,5 m;
- + Chiều rộng lề đường tối thiểu: 1,25 m;
- + Chiều rộng nền đường tối thiểu: 6,0 m;

- Đường xã (cấp B):

- + Chiều rộng mặt đường tối thiểu: 3,0 m;
- + Chiều rộng lề đường tối thiểu: 0,5 m;
- + Chiều rộng của nền đường tối thiểu: 4,0 m;

- Đường thôn, xóm (cấp C):

- + Chiều rộng mặt đường tối thiểu: 2,0 m;
- + Chiều rộng nền đường tối thiểu: 3,0 m;

- Đường giao thông nội đồng: Trong những năm tiếp theo cần mở rộng và nâng cấp cứng hóa bằng hình thức đổ bê tông xi măng các tuyến đường đất. Quy mô mặt cắt đường như sau:

- + Bề rộng mặt đường tối thiểu: 1,5 m;
- + Bề rộng nền đường tối thiểu: 2,0 m.

Dự kiến đến năm 2030 trên địa bàn xã Tri Phương thực hiện các công trình giao thông như sau:

+ Dự án cải tạo nền mặt đường và công trình đoạn Km8-Km29 và Km40-Km66 trên Quốc Lộ 4A, tỉnh Lạng Sơn (đoạn KM43+800-Km52+300);

+ Dự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 3B đoạn Km0+Km61 (Cửa khẩu Nà Nưa-Yến Lạc) địa phận tỉnh Lạng Sơn;

+ Đường liên xã Bản Đồi - Đội Cấn.

Bên cạnh đó, dự kiến đến năm 2030 xã Tri Phương đưa vào quy hoạch quỹ đất phục vụ mở rộng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn đảm bảo nhu cầu thực tế của địa phương.

#### 8.4.2. Cấp điện

\* Nguồn cấp: Nguồn điện cung cấp cho xã Tri Phương được lấy từ hệ thống điện Quốc gia thông qua các đường dây 110 kV huyện Trảng Định.

Dự kiến nhu cầu điện sinh hoạt đến năm 2030:

- Quy mô dân số dự báo đến năm 2030 là 6.199 người. Theo quy chuẩn 01:2021/BXD yêu cầu về quy hoạch xây dựng nông thôn.

+ Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo đạt tối thiểu là 150 W/người;

+ Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng phải đảm bảo > 15% nhu cầu điện sinh hoạt, công suất tính toán điện sinh hoạt:

$$P_{sh} = 150 \times 6.199 = 929.860 \text{ W} = 930 \text{ kW}.$$

- Hệ thống công suất trung bình lấy 0,85.

+ Công suất tính toán cho phần sinh hoạt là:

$$S_{sh} = 930/0,85 = 1.094 \text{ kW}.$$

+ Điện năng cung cấp cho các nhu cầu khác: Tưới tiêu, chiếu sáng, tiêu thụ công nghiệp tạm tính bằng 40% điện sinh hoạt:

$$S_{khác} = 1.094 \times 0,4 = 438 \text{ kW}.$$

Như vậy nhu cầu dùng điện của toàn xã là:

$$S_{tổng} = 1.094 + 438 = 1.532 \text{ kW} \text{ và bằng } 1.225 \text{ KVA}.$$

Hiện trạng hệ thống điện trên địa bàn xã Tri Phương cơ bản đáp ứng đủ so với nhu cầu sử dụng điện đến năm 2030 (1.225 KVA) của toàn xã, đạt chuẩn theo quy định, tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.

#### \* Mạng lưới cấp điện

- Điện sinh hoạt: Điện sinh hoạt sử dụng hệ thống điện đi nổi trên cột điện chạy dọc theo các tuyến giao thông đến các khu dân cư để cấp điện cho các khu dân cư. Hệ thống này phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện.

- Điện chiếu sáng công cộng:

+ Chiếu sáng công cộng tại các khu dân cư (trên các tuyến đường làng ngõ xóm) và chiếu sáng giao thông tại khu vực trung tâm xã. Điện chiếu sáng công cộng sử dụng hệ thống cột đèn chiếu sáng 1 bên dọc theo các tuyến giao thông chính ở các khu vực tập trung dân cư.

+ Tất cả các tuyến đường khu xóm có mặt cắt lớn hơn 3m đều được chiếu sáng. Tuyến chiếu sáng trong khu dân cư bố trí đi nổi kết hợp với tuyến điện 0,4kV cấp điện cho sinh hoạt. Các thiết bị chiếu sáng dùng loại hiện đại tiết kiệm điện năng bóng compact. Lưới chiếu sáng đảm bảo độ rọi theo quy chuẩn quy định.

+ Chỉ tiêu cấp điện cho công trình công cộng:  $\geq 15\%$ .

\* **Trạm biến áp:** Không quy hoạch mới trạm biến áp. Các trạm biến áp hiện trạng cần được nâng công suất các trạm biến áp hiện trạng lên để đảm bảo cấp điện an toàn và liên tục cho xã. Trong giai đoạn tới khi có quy hoạch chi tiết các khu dân cư mới, khu dân cư tập trung sẽ có quy hoạch trạm biến áp cấp điện riêng cho từng dự án.

#### 8.4.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

\* Nhu cầu sử dụng nước

- Tính toán sơ bộ nhu cầu sử dụng nước xã Tri Phương, theo quy chuẩn số 01:2021/BXD, tiêu chuẩn dùng nước cho dân cư nông thôn là: 100 (l/người/ngày đêm), với tỷ lệ cấp nước là: 100%; Tiêu chuẩn dùng nước cho dân cư nông thôn giai đoạn đến năm 2030 là: 120 (l/người/ngày đêm), với tỷ lệ dân số được cấp nước là: 100%.

Dự báo đến năm 2030 dân số xã Tri Phương là 6.199 người, như vậy nhu cầu sử dụng nước sạch cho người dân trên địa bàn xã sẽ là 967 m<sup>3</sup>/ngđ.

Với nhu cầu sử dụng nước của xã Tri Phương được dự báo như trên trong giai đoạn tới cần thực hiện vệ sinh thường xuyên các bể nước sinh hoạt, giếng nước khoan, khuyến khích lắp đặt hệ thống máy lọc nước RO tại các hộ gia đình. Đồng thời nghiên cứu, đề xuất lắp đặt mạng lưới đường ống cấp nước từ các nhà máy nước sạch trên địa bàn huyện.

Để nâng cao hiệu quả sử dụng nước sạch, ngoài việc trang bị hệ thống các ống dẫn nước đạt tiêu chuẩn cần phải chú trọng tới việc bảo vệ nguồn nước ngầm khỏi sự ô nhiễm của nước bề mặt và bảo vệ nguồn nước mặt khỏi các hoạt động dân sinh và đặc biệt từ chất thải, nước thải từ các khu chăn nuôi, mỏ khoáng sản.

- Bảo vệ và duy trì số lượng nguồn nước mặt không bị suy thoái cạn kiệt: Duy trì dòng chảy môi trường trên các sông có sự tham gia điều tiết của hồ chứa. Nâng cao năng lực trữ nước và cấp nước của các hồ chứa, đặc biệt là các kho nước.

- Bảo vệ chất lượng nước của các nguồn nước mặt: xử lý lượng nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi đổ ra sông. Đồng thời duy trì về trữ lượng dòng chảy môi trường bảo vệ hệ sinh thái thủy sinh trong sông.

- Khu vực bảo vệ nguồn nước mặt: Xung quanh điểm lấy nước nguồn cho hệ thống cấp nước phải duy trì khu vực bảo vệ vệ sinh: trong khoảng 200 m tính từ điểm lấy nước về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu, không được xây dựng các công trình gây ô nhiễm nguồn nước (không xả nước thải, nước nông giang, chăn nuôi, tắm giặt).

- Khu vực bảo vệ nhà máy nước, trạm cấp nước: Trong phạm vi 30 m kể từ chân tường các công trình xử lý phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực trạm. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi, sinh hoạt, vệ sinh.

- Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m.

Cùng với nhu cầu sử dụng nước của xã, xã Tri Phương dự kiến bố trí dành quỹ đất để xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt như: Bể chứa nước sinh hoạt công cộng, đường ống cấp nước từ các nguồn cấp nước tự nhiên.

#### 8.4.4. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc

##### a) Mạng di động

Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng công nghệ mới kiểu dáng hình cây, cột đèn đặt dọc theo trục đường, nhằm đảm bảo mỹ quan và nâng cao tính ổn định thông tin di động trong khu vực.

##### b) Mạng Internet

Truyền hình, truyền thanh và các dịch vụ khác: Kết hợp truyền tín hiệu vô tuyến và hữu tuyến.

+ Vô tuyến: Hệ thống hiện nay được giữ nguyên, đồng thời nâng cấp và thay thế thiết bị mới.

+ Hữu tuyến: Tín hiệu được các nhà khai thác cung cấp cho các thuê bao dựa trên hạ tầng dùng chung với các hạ tầng kỹ thuật khác.

##### c) Hệ thống truyền thanh

Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, thay thế và lắp đặt thêm các cụm loa không dây tại các thôn bản, khu dân cư phục vụ nhu cầu nghe đài của người dân địa phương. Việc trang bị lắp đặt thêm hệ thống loa truyền thanh không dây sẽ góp phần chuyển tải các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến với người dân một cách nhanh, hiệu quả nhất. Qua đó vừa giúp người dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật vừa tích cực tham gia phát triển kinh tế, giảm nghèo tại địa phương.

Bên cạnh đó, đến năm 2030 xã Tri Phương cũng đưa vào quy hoạch quỹ đất phục vụ xây dựng, lắp đặt hệ thống các trạm BTS, trạm thu - phát sóng phục vụ tối đa nhu cầu sử dụng của người dân, đồng thời góp phần nâng cao tỷ lệ tiếp cận thông tin của người dân tại các khu vực xa khu trung tâm xã.

#### 8.4.5. Hệ thống thủy lợi, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn

##### \* Hệ thống thủy lợi

Định hướng đến năm 2030 cần phải bổ sung, cải tạo, nâng cấp, xây dựng những trạm bơm lấy nguồn nước tưới và hệ thống kênh mương, dẫn nước hoàn chỉnh cho khu vực. Bảo đảm tiêu thoát nước cho dân sinh, khu tiểu thủ công nghiệp và an toàn cho cây trồng. Hàng năm xã Tri Phương xây dựng kế hoạch nạo vét kênh mương với mục tiêu:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nông dân yên tâm sản xuất cây trồng.
- Chủ động trong việc tưới, tiêu nước cho cây trồng được kịp thời.

Bên cạnh đó xã cũng đưa vào quy hoạch quỹ đất dự trữ phục vụ xây dựng mới, nâng cấp mở rộng các tuyến kênh, mương phục vụ sản xuất của người dân nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng cây trồng.



*\* Mạng lưới thoát nước thải*

- Các yêu cầu và tiêu chuẩn áp dụng
  - + Các điểm dân cư nông thôn tập trung phải có hệ thống thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, hợp vệ sinh.
  - + Tận dụng các ao hồ để thoát nước và làm sạch nước thải tự nhiên. Cho phép sử dụng hệ thống thoát nước mưa để thoát nước thải đã xử lý.
  - + Nước thải từ các làng nghề bị nhiễm bẩn và gây độc hại phải được phân loại thu gom ra hệ thống tiêu, thoát riêng hợp vệ sinh và xử lý đạt yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
  - + Phải phù hợp với hệ thống thủy lợi.
  - + Tối thiểu phải thu gom đạt 80% tổng lượng nước cấp để xử lý.
  - + Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt phải phù hợp với quy định trong QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
  - Giải pháp thoát nước:
    - + 100% các hộ gia đình phải sử dụng nhà xí hợp vệ sinh, khuyến khích sử dụng bể tự hoại hợp quy cách.
    - + Nước thải sinh hoạt ở khu dân cư sau khi xử lý sẽ theo mương, cống dẫn nước thải đổ ra hệ thống tiêu thoát nước chung.
    - + Mương, rãnh thoát nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.
- Xã Tri Phương bố trí quỹ đất để xây dựng hệ thống thoát nước thải khu vực trung tâm hành chính của xã.

*\* Rác thải sinh hoạt*

- Thành lập đội thu gom rác thải của xã. Rác thải từ các công trình trong khu trung tâm được thu gom hàng ngày. Tại các khu vực công cộng có bố trí các thùng rác.
- Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn thành 2 loại vô cơ và hữu cơ.
  - + Đối với chất thải rắn hữu cơ, các hộ gia đình tận dụng một phần cho chăn nuôi gia súc, phần còn lại sẽ ủ, tạo thành phân vi sinh phục vụ nông nghiệp.
  - + Chất thải rắn vô cơ, không còn tái chế được, sẽ chuyển về bãi trung chuyển chất thải rắn để vận chuyển lên khu xử lý chất thải rắn của huyện.

*\* Chất thải rắn xây dựng*

Trong quá trình khảo sát, thi công xây dựng công trình mới, cải tạo, phá dỡ, tu bổ các công trình cũ, hoặc di dời công trình đến một địa điểm khác ở nhiều hạng mục khác nhau (nhà ở, đường giao thông, cầu cống) phát sinh nhiều loại chất thải. Để tăng cường công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn xã cần thực hiện nghiêm các quy định về phân loại, lưu giữ, thu gom và vận chuyển chất thải rắn. Trong đó,

việc phân loại chất thải rắn xây dựng bao gồm: Chất thải rắn có khả năng tái chế được; chất thải rắn có thể được tái sử dụng ngay trên công trường hoặc tái sử dụng ở các công trường xây dựng khác; chất thải không tái chế, tái sử dụng được và phải đem đi chôn lấp.

#### 8.5. Khu nghĩa trang, nghĩa địa

Yêu cầu đối với quy hoạch địa điểm nghĩa trang phải phù hợp với khả năng khai thác quỹ đất; phù hợp với tổ chức phân bố dân cư và kết nối công trình hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu an táng trước mắt và lâu dài. Quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu là 0,04 ha/1000 dân.

+ Nghĩa trang xây dựng mới phải ở vị trí yên tĩnh, cao ráo, không sạt lở.

+ Phải đảm bảo khoảng cách vệ sinh của nghĩa trang cách táng đối với khu dân cư:  $\geq 100$  m.

+ Diện tích đất xây dựng cho mỗi mộ hung táng và chôn cất một lần tối đa không quá 5 m<sup>2</sup>. Diện tích sử dụng đất cho mỗi hộ cát táng tối đa không quá 3 m<sup>2</sup>.

+ Phải quy hoạch đường đi, cây xanh hàng rào ngăn thích hợp. Các tuyến đường chính và nhánh trong nghĩa trang phải có rãnh thoát nước mặt.

+ Đối với các nghĩa trang hiện hữu cần cải tạo, chỉnh trang, trồng cây bóng mát và sắp xếp các ngôi mộ theo hàng, lối.

- Quy hoạch nghĩa trang phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch nông thôn mới của huyện, tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan. Quy hoạch nghĩa trang phải tính đến các phong tục, tập quán về mai táng ở địa phương nhưng vẫn phải đảm bảo các yêu cầu về môi trường và sử dụng đất đai hiệu quả, tiết kiệm.

Hiện tại, xã có 9,93 ha đất nghĩa trang, nghĩa địa, nằm rải rác ở các thôn, đảm bảo đủ nhu cầu chôn cất, an táng cho nhân dân toàn xã. Dự kiến đến năm 2030 xã đưa quy hoạch Khu nghĩa địa của Hội Hiếu 92 thị trấn Thất Khê diện tích 19,63 ha.

#### 9. Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

**Bảng 4: Danh mục nhu cầu sử dụng các loại đất đến năm 2030**

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đến cấp xã	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thôn	Dự kiến năm thực hiện
1	Trụ sở công an xã Tri Phương	xã Tri Phương	0,23		0,23	Thôn Kéo Quân	2023-2025
2	Công trình CT/d6/Tràng Định	xã Tri Phương	30,00		30,00	Thôn Phai Sào	2023-2025

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đến cấp xã	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thôn	Dự kiến năm thực hiện
3	Công trình C2 huyện Trảng Định	xã Tri Phương	15,00		15,00	Thôn Kéo Quân	2023-2025
4	Trụ sở UBND xã Tri Phương	xã Tri Phương	0,36		0,36	Thôn Kéo Quân	2023-2025
5	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã	xã Tri Phương	0,13		0,13	Thôn Kéo Quân	2023-2025
6	Chuyển mục đích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện	xã Tri Phương	0,05		0,05	Thôn Phai Sào	2023-2030
7	Khu du lịch sinh thái Bản Bó	xã Tri Phương	55,00	43,00	12,00	Thôn Bản Bó	2023-2025
8	Khu du lịch cộng đồng thôn Lũng Slàng	xã Tri Phương	30,00	28,00	2,00	Thôn Lũng Slàng	2023-2025
9	Khu di tích lịch sử Hang Cốc Mười	xã Tri Phương	0,25		0,25	Thôn Cốc Mười	2023-2025
10	Mở rộng trường THCS Tri Phương	xã Tri Phương	0,82	0,42	0,40	Thôn Kéo Quân	2023-2025
11	Mở rộng trường tiểu học Tri Phương	xã Tri Phương	0,69	0,49	0,20	Thôn Kéo Quân	2026-2030
12	Mở rộng trường tiểu học Tri Phương điểm trường Nà Pài	xã Tri Phương	0,43	0,20	0,23	Thôn Mậu Đốt	2026-2030
13	Mở rộng trường mầm non Phi Mỹ	xã Tri Phương	0,57	0,42	0,15	Thôn Mậu Đốt	2026-2030
14	Mở rộng trường mầm non, Tiểu học Tri Phương điểm trường Lũng Slàng	xã Tri Phương	0,22	0,07	0,15	Thôn Lũng Slàng	2026-2030
15	Mở rộng trường mầm non Tri Phương (thôn Bản Ne)	xã Tri Phương	0,56	0,28	0,28	Thôn Kéo Quân	2026-2030
16	Sân thể thao xã Tri Phương	xã Tri Phương	1,08		1,08	Thôn Cốc Mười	2026-2030
17	Trung tâm bảo trợ xã hội huyện Trảng Định	xã Tri Phương	0,50		0,50	Thôn Phai Sào	2023-2025
18	Trạm TDH_VT_Tri Phương 2	xã Tri Phương	0,85		0,85	Thôn Mậu Đốt	2023-2025
19	Khu dân cư xã Tri Phương	xã Tri Phương	2,21		2,21	Thôn Kéo Quân	2023-2025
20	Đấu giá quyền sử dụng đất sân thể thao	xã Tri Phương	1,00		1,00	Thôn Phai Sào	2023-2025
21	Chuyển mục đích hộ gia đình cá nhân	xã Tri Phương	31,86		31,86	Các thôn	2023-2030

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đến cấp xã	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thôn	Dự kiến năm thực hiện
	sang đất ở						
22	Đầu giá quyền sử dụng đất trạm y tế xã cũ	xã Tri Phương	0,05		0,05	Thôn Kéo Quân	2023-2030
23	Đầu giá quyền sử dụng đất điểm trường mầm non thôn Bản Bó	xã Tri Phương	0,03		0,03	Thôn Bản Bó	2023-2030
24	Nhà văn hoá Cốc Mươi	xã Tri Phương	0,09		0,09	Thôn Cốc Mươi	2023-2025
25	Nhà văn hoá thôn Kéo Quân	xã Tri Phương	0,12		0,12	Thôn Kéo Quân	2026-2030
26	Sân thể thao thôn Kéo Quân	xã Tri Phương	0,06		0,06	Thôn Kéo Quân	2026-2030
27	Mở rộng nhà văn hoá thôn Phai Sào	xã Tri Phương	0,01		0,01	Thôn Phai Sào	2023-2025
28	Nhà văn hoá thôn Bản Đoòng	xã Tri Phương	0,15		0,15	Thôn Bản Đoòng	2023-2025
29	Nhà văn hoá thôn Nà Ván	xã Tri Phương	0,07		0,07	Thôn Nà Ván	2023-2025
30	Nhà văn hoá thôn Mậu Đốt	xã Tri Phương	0,15		0,15	Thôn Mậu Đốt	2023-2025
31	Nhà văn hóa thôn B2	xã Tri Phương	0,07		0,07	Thôn B2	2023-2025
32	Nhà văn hóa thôn Lũng Slàng	xã Tri Phương	0,03		0,03	Thôn Lũng Slàng	2026-2030
33	Đầu giá quyền sử dụng đất điểm trường tiểu học thôn Bản Bó	xã Tri Phương	0,05		0,05	Thôn Bản Bó	2026-2030
34	Bãi rác xã Tri Phương	xã Tri Phương	0,20		0,20	Thôn Phai Sào	2023-2025
35	Bãi tập bắn dân quân xã	xã Tri Phương	14,94		14,94	Thôn Cốc Mươi	2026-2030
36	Điểm di tích Pác Lũng Ký Làng	xã Tri Phương	0,65		0,65	Thôn Cốc Mươi	2026-2030
37	Điểm di tích xã Tri Phương	xã Tri Phương	1,88		1,88	Thôn Cốc Mươi	2026-2030
38	Trạm y tế xã Tri Phương	xã Tri Phương	0,21		0,21	Thôn Kéo Quân	2023-2025
39	Vùng trồng cây ăn quả sạch	xã Tri Phương	2,92		2,92	Thôn Phai Sào	2023-2030
40	Khu nghĩa địa của Hội Hiếu 92 thị trấn Thất Khê	xã Tri Phương	5,88		5,88	Thôn B2	2023-2025
41	Xây dựng nhà bia di tích và sân nhà bia	xã Tri Phương	0,07		0,07	Thôn Cốc Mươi	2026-2030

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đến cấp xã	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thôn	Dự kiến năm thực hiện
42	Quy hoạch đất sản xuất kinh doanh xã Tri Phương	xã Tri Phương	19,63		19,63	Thôn Lũng SLàng	2026-2030
43	Quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản	xã Tri Phương	3,16		3,16	Thôn Lũng SLàng	2023-2025
44	Cải tạo nâng cấp đường dây 35kV từ MC 389 Thất Khê - Đông Khê đến đo đếm danh giới Lạng Sơn - Cao Bằng	Các xã: Đại Đồng, Chi Lăng, Tri Phương, Chí Minh	0,12		0,12		2023-2025
45	Cải tạo CQT lưới điện khu vực Lũng Sàng xã Tri Phương, huyện Tràng Định	xã Tri Phương	0,04		0,04	Các thôn	2023-2025
46	Cải tạo nâng cấp đường dây 35kV từ MC 389 Thất Khê - Đông Khê đến đo đếm danh giới Lạng Sơn - Cao Bằng	Các xã: Đại Đồng, Chi Lăng, Tri phương, Chí Minh	0,04		0,04		2023-2025
47	Dự án cải tạo nền mặt đường và công trình đoạn Km8-Km29 và Km40-Km66 trên Quốc Lộ 4A, tỉnh Lạng Sơn (đoạn KM43+800-Km52+300)	Huyện Tràng Định	7,09	4,16	2,93		2023
48	Dự án cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 3B đoạn Km0+Km61 (Cửa khẩu Nà Nưa-Yên Lạc) địa phận tỉnh Lạng Sơn	Huyện Tràng Định	57,76	43,00	14,76		2026-2030
49	Đường liên xã Bản Đòng - Đội Cấn	xã Tri Phương	0,60		0,60		2026-2030
50	Công trình năng lượng	Các xã, thị trấn	9,76		9,76		2023-2025
51	Công trình nước sinh hoạt tại 9 thôn	xã Tri Phương	0,90		0,90	Các thôn	2023-2030
52	Công trình thủy lợi phục vụ sản xuất các thôn xã Tri Phương	xã Tri Phương	1,00		1,00	Các thôn	2023-2030
53	Công trình hạ tầng bưu chính viễn thông	xã Tri Phương	0,90		0,90	Các thôn	2023-2030

Số TT	Tên dự án	Địa điểm đến cấp xã	Diện tích quy hoạch (ha)	Hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm thôn	Dự kiến năm thực hiện
54	Công trình thoát nước khu trung tâm hành chính xã	xã Tri Phương	0,50		0,50	thôn Kéo Quân	2023-2030
55	Quy hoạch đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Tri Phương	xã Tri Phương	5,00		5,00	Các thôn	2023-2030

Đáp ứng quan điểm và mục tiêu phát triển như trên, việc bố trí quy hoạch sử dụng đất là dựa vào lợi thế của địa phương, hiện trạng sử dụng đất và tiềm năng phát triển để xây dựng phương án tối ưu hóa, tạo lợi thế cạnh tranh. Diện tích các loại đất cụ thể như sau:

**Bảng 5: Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030**

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm 2022		Năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(3)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>	<b>4.614,34</b>	<b>100,00</b>	<b>4.614,34</b>	<b>100,00</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>4.216,28</b>	<b>91,37</b>	<b>4.106,99</b>	<b>89,01</b>	<b>-109,29</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	790,90	17,14	732,12	15,87	-58,78
1.2	Đất lâm nghiệp	3.409,10	73,88	3.355,75	72,72	-53,35
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	16,22	0,35	19,06	0,41	2,84
1.4	Đất làm muối					
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,06	0,001	0,06	0,001	
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>178,86</b>	<b>3,88</b>	<b>319,47</b>	<b>6,92</b>	<b>140,62</b>
2.1	Đất ở	63,60	1,38	98,60	2,14	35,00
2.2	Đất công cộng	2,59	0,06	5,99	0,13	3,40
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,00	0,02	1,14	0,02	0,14
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,73	0,02	3,51	0,08	2,78
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	4,22	0,09	23,90	0,52	19,69
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	5,15	0,11	5,15	0,11	
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,04	0,00	14,54	0,32	14,50
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	96,30	2,09	101,46	2,20	5,16
2.8.1	Đất giao thông	86,37	1,87	84,93	1,84	-1,44
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn			0,20	0,004	0,20
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	9,93	0,22	15,81	0,34	5,88
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác			0,53	0,01	0,53
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	5,23	0,11	5,01	0,11	-0,22

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm 2022		Năm 2030		Tăng (+), giảm (-)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.10	Đất quốc phòng, an ninh			60,17	1,30	60,17
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>219,20</b>	<b>4,75</b>	<b>187,87</b>	<b>4,07</b>	<b>-31,33</b>
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	36,75	0,80	34,93	0,76	-1,82
3.2	Đất chưa sử dụng	182,45	3,95	152,94	3,31	-29,51

## 10. Xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

### a) Các dự án hạ tầng kỹ thuật

- Dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông.
- Dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi.
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp lưới điện.

### b) Các dự án hạ tầng xã hội

- Dự án xây dựng các công trình khu trung tâm xã.
- Dự án xây dựng mở rộng khu văn hóa, thể thao trung tâm xã.
- Dự án xây dựng, mở rộng, cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao các thôn.
- Dự án đầu tư trang thiết bị cho các công trình cơ quan, trường học và văn hóa.
- Dự án xây dựng, mở rộng các trường học.

### c) Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư

- Đầu tư cho công tác lập quy hoạch chung xây dựng xã.
- Đầu tư cho công tác lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn tỷ lệ 1/500.
- Đầu tư cho công tác nâng cấp hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn.
- Đầu tư xây dựng các khu dân cư.
- Đầu tư cho công tác phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất.
- Đầu tư cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
- Đầu tư cho công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
- Đầu tư triển khai dự án các dự án trên địa bàn xã: Khu dân cư, khu sản xuất kinh doanh.

## 11. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch:

(Có quy định quản lý quy hoạch kèm theo)

## 12. Tiến độ, tổ chức thực hiện

Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tri Phương, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030 thực hiện 2 giai đoạn; thực hiện giai đoạn 2021 - 2025, định hướng giai đoạn 2026 – 2030. Cụ thể:

- Sau khi quy hoạch được duyệt cần tập trung nguồn vốn, nguồn lực để việc thực hiện đầu tư xây dựng sớm có hiệu quả.

- Công bố công khai đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Tri Phương theo quy định để cho nhân dân được biết thực hiện.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để người dân hưởng ứng thực hiện. Hàng năm tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ thôn, xã triển khai, thực hiện chương trình xây dựng theo quy hoạch.

- Lập kế hoạch các công trình theo thứ tự ưu tiên từng bước xây dựng theo lộ trình.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

### **1. Ủy ban nhân dân xã Tri Phương có trách nhiệm:**

- Tổ chức công bố công khai nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch theo quy định để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện; tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt theo quy hoạch; tổ chức lập, trình thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết theo quy định; lập chương trình, xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn; đầu tư xây dựng và cải tạo chỉnh trang trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư hợp pháp.

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Tri Phương tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

## **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa và Thông tin, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch UBND xã Tri Phương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng Lạng Sơn (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các PCVP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT (KTHT).

**Vũ Đức Thiện**